TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH T**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh pc**

Bản án số: 173/2023/DS-ST
Ngày: 18-12-2023
V/v "Tranh chấp về hợp đồng góp vốn và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào

2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé a, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp Hồng Kỳ, xã P Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

Tạm trú: Khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HD T (gọi tắt là Công ty HD T)

Địa chỉ: Ấp Phước Đức B, xã P, huyện G, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Chị Đặng Thị Bé H – Chức vụ: Giám đốc

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vòng Nà D, chết ngày 03-10-2023

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh D

1. Chị Đặng Thị Bé H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp H Thuận 2, xã Hiệp H, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Tạm trú: Ấp Phước Đức B, xã P, huyện G, tỉnh T.

2. Cháu Vòng Gia Q, sinh ngày 05-8-2019

3. Cháu Vòng Gia P, sinh ngày 09-3-2017

Địa chỉ: Ấp H Thuận 2, xã Hiệp H, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Chị H là người đại diện theo pháp luật của cháu Q và cháu P.

4. Bà Lầu A Lộc, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 3, ấp S, xã T, huyện X, tỉnh B – Vũng Tàu.

Tất cả các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé A trình bày:

Ngày 01-8-2022, chị và Công ty HD T do chị Đặng Thị Bé H đứng tên làm người đại diện theo pháp luật có thỏa thuận ký hợp đồng góp vốn kinh doanh số 06/2022, hợp đồng do chị, chị H và chồng của chị H là anh Vòng Nà D cùng ký tên. Theo đó, chị có góp vốn vào Công ty HD T với số tiền là 100.000.000 đồng. Theo hợp đồng, hai bên có thỏa thuận về lãi suất là 6%/tháng, hưởng vào ngày 8 hàng tháng, không thỏa thuận thời hạn tham gia góp vốn nhưng khi nào cần rút vốn thì báo trước 03 tháng.

Do cần rút vốn, nên chị có xin rút lại số tiền vốn góp vào tháng 9-2022. Tính đến nay Công ty HD T đã trả cho chị được số tiền 70.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu Công ty HD T do chị H làm người đại diện và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh Vòng Nà D trả cho chị số tiền còn lại là 30.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính tiền lãi. Chị không đồng ý với ý kiến mỗi tháng trả 1.000.000 đồng từ tháng 01-2024 cho đến khi hết nợ của chị H. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Chị Đặng Thị Bé H - Người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Vòng Nà D và là người đại diện theo pháp luật của cháu Vòng Gia P và cháu Vòng Gia Q trình bày:

Chị thừa nhận Công ty HD T do chị làm giám đốc có nợ của chị Nguyễn Thị Bé A số tiền 30.000.000 đồng. Chị đồng ý trả cho chị A số tiền còn nợ nhưng xin được trả hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng từ tháng 01-2024 cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, chị không trình bày gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09-11-2023, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Vòng Nà D - bà Lầu A Lộc trình bày:

Chồng của bà là ông Vòng Đơn Sầu (Dầu) (sinh năm 1950, chết ngày 26-4-1997) và vợ chồng bà chung sống có 03 người con trong đó có anh Vòng Nà D (sinh năm 1990, chết ngày 03-10-2023). Vợ chồng chị H, anh D chung sống có 02 người con là cháu Vòng Gia Phu, cháu Vòng Gia Q. Bà không biết việc anh D và

chị H có nợ tiền góp vốn của chị A nên bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị A. Ngoài ra, bà không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 504, 510, 615 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé a:

Buộc Công ty HD T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Vòng Nà D (bà Lầu A Lộc, chị Đặng Thị Bé H, cháu Vòng Gia P, cháu Vòng Gia Q) trả cho chị Nguyễn Thị Bé a số tiền 30.000.000 đồng. Trong đó, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Vòng Nà D chỉ chịu trách nhiệm trả nợ trên số tài sản của anh Vòng Nà D để lại.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện chị a yêu cầu Công ty HD T cùng anh Vòng Nà D phải trả số tiền góp vốn nên quan hệ pháp luật được Tòa án xác định là "Tranh chấp về hợp đồng góp vốn". Ngày 03-10-2023, anh D chết và chị a tiếp tục yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh D nên quan hệ pháp luật được Hội đồng xét xử xác định thêm "Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" là phù hợp với khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 615 của Bộ luật Dân sự.

[1.3] Về xác định đương sự trong vụ án:

Anh Vòng Nà D (sinh năm 1990, chết ngày 03-10-2023) có vợ là chị Đặng Thị Bé H và vợ chồng anh D chung sống có 02 người con là cháu Vòng Gia P, cháu Vòng Gia Q. Cha của anh D là ông Vòng Đơn Sầu (Dầu) (sinh năm 1950, chết ngày 26-4-1997) và mẹ của anh D là bà Lầu A Lộc. Do đó, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh D gồm có chị H, bà Lộc, cháu P và cháu Q theo quy định tại khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn thì thấy:

Chị Nguyễn Thị Bé a có góp vốn vào Công ty HD T do chị Đặng Thị Bé H đại diện là Giám đốc số tiền là 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận chị a được chia lợi nhuận 6%/tháng, khi cần rút vốn sẽ báo trước thời hạn 03 tháng. Tháng 9-2022, chị a có yêu cầu rút vốn và đến nay công ty đã trả cho chị 70.000.000 đồng. Chị a khởi kiện yêu cầu Công ty HD T và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Vòng Nà D phải trả số tiền còn lại là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chị Đặng Thị Bé H là người đại diện theo pháp luật của Công ty HD T xác nhận Công ty còn nợ chị a số tiền 30.000.000 đồng và đồng ý trả nợ.

[2.2] Xét nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày 01-8-2022 được ký kết giữa chị a và người đại diện theo pháp luật của Công ty HD T (chị H) cùng anh Vòng Nà D. Theo đơn khởi kiện, chị a yêu cầu Công ty HD T cùng anh D phải trả số tiền góp vốn còn nợ, nhưng ngày 03-10-2023 anh D chết nên chị a yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh D gồm bà Lộc, chị H, cháu P và cháu Q có nghĩa vụ cùng với Công ty HD T phải trả số tiền nợ trên.

Xét thấy: Công ty HD T – người đại diện là chị H và anh D có nhận vốn góp từ chị a với mục đích làm vốn kinh doanh chung của vợ chồng chị H, anh D tại Công ty HD T nên anh D cùng Công ty HD T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị a số tiền góp vốn còn nợ là phù hợp. Tuy nhiên, ngày 03-10-2023 anh D đã chết.

Quá trình chung sống chị H và anh D có các tài sản chung gồm: Phần đất có diện tích 174,5 m^2, thuộc thửa đất số 335, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại: Ấp Phước Đức B, xã P, huyện G, tỉnh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS03003 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho vợ chồng anh Dương đứng tên ngày 28-7-2017; phần đất có diện tích 385 m^2, thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 34, đất tọa lạc tại: Ấp Bến Kinh, xã Đôn Thuận, thị xã T, tỉnh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH03475 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh T cập nhật chỉnh lý biến động tại trang 4 của giấy chứng nhận là đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh D đứng tên ngày 28-01-2021 cùng với 01 số xe ô tô khác nhưng các di sản này của anh D chết để lại vẫn chưa được thỏa thuận chia. Vì vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh D là bà Lộc, chị H, cháu P và cháu Q có nghĩa vụ trả số tiền nợ của anh D cho chị a là 30.000.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế của anh D để lại là có căn cứ và phù hợp với các Điều 615 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Chị a không yêu cầu tính tiền lãi nên không giải quyết.

[2.4] Đối với ý kiến trả hàng tháng 1.000.000 đồng/tháng từ tháng 01-2024 cho đến khi hết nợ của chị H, chị a không đồng ý và không thuộc thẩm quyền giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên chị H, bà Lộc, cháu P và cháu Q phải chịu toàn bộ tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy bà Lộc là người cao tuổi và cháu P, cháu Q là trẻ em nhưng do đây là trường hợp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại nên đều không được xem xét miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 504, 510, 615 và 651 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé a đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HD T và chị Đặng Thị Bé H, bà Lầu A Lộc, cháu Vòng Gia P và cháu Vòng Gia Q về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp vốn và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HD T và chị Đặng Thị Bé H, bà Lầu A Lộc, cháu Vòng Gia P và cháu Vòng Gia Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Bé a số tiền 30.000.000 *(Ba mươi triệu)* đồng. Trong đó, chị Đặng Thị Bé H, bà Lầu A Lộc, cháu Vòng Gia P và cháu Vòng Gia Q có trách nhiệm trả nợ trong phạm vi di sản thừa kế của anh Vòng Nà D để lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HD T và chị Đặng Thị Bé H, bà Lầu A Lộc, cháu Vòng Gia P và cháu Vòng Gia Q phải liên đới chịu 1.500.000 *(Một triệu năm trăm nghìn)* đồng tiền án phí. Trong đó, chị Đặng H, bà Lộc, cháu P và cháu Q có trách nhiệm chịu án phí trong phạm vi di sản thừa kế của anh Vòng Nà D để lại.

Hoàn trả cho chị a số tiền 750.000 *(Bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025905 ngày 16-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Cương